

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2020/QĐST-DS

Mỹ Tho, ngày 08 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962

Địa chỉ: số A, đường P, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số E, đường M, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T: Bà **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1968; (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2020)

Địa chỉ: số V, đường Z, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số V, đường Z, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị Trúc L, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Phương D và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất xác định diện tích đất $916m^2$ nằm trong một phần của thửa số 140, tờ bản đồ số 30 tại đường B, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang là di sản của ông Nguyễn Văn T để lại.

- Các bên thống nhất thỏa thuận đất ở có giá $16.500.000\text{đồng}/m^2$, đất cây lâu năm có giá $5.000.000\text{đồng}/m^2$ theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tài sản trên đất các bên thống nhất không tranh chấp.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T gồm: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Phương D và bà Nguyễn Thị Thu H.

* Bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Trúc L được hưởng một kỷ phần có diện tích là $390m^2$ (trong đó có $311,9m^2$ đất ở và $78,1m^2$ đất cây lâu năm) thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 30 (là một phần của thửa 140) tại đường B, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang được đánh số 1, 2, 3 và 4, vị trí tứ cận như sau:

Bắc: Giáp đất chia cho ông Nguyễn Thanh B;

Nam: Giáp đường B;

Đông: Giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Thu H;

Tây: Giáp Công ty cổ phần xây dựng T;

(Chiều dài các cạnh như sơ đồ kèm theo).

Trên đất có 01 căn nhà mặt tiền đường B có diện tích $51,3m^2$, kết cấu: cột bê tông đúc sẵn, vách tường, mái tole, nền xi măng + gạch và 01 căn nhà kho tiếp giáp Công ty xây dựng T có diện tích $57,8m^2$, kết cấu: cột bê tông + gạch, mái tole xi măng, vách tường, nền xi măng. Riêng 01 căn nhà kho có diện tích $202,8m^2$, kết cấu: cột sắt, vách tole, mái tole, nền xi măng có một phần không vách thì ông Nguyễn Thanh B tự tháo dỡ di dời để trả đất trống lại cho bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Trúc L. Các bên thống nhất ông Nguyễn Thanh B tự thực hiện việc tháo dỡ di dời vào cuối tháng 12 (âm lịch) năm 2020.

Bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Trúc L được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích đất $390m^2$, tài sản trên đất là 01 căn

nhà mặt tiền đường B có diện tích $51,3m^2$ và 01 căn nhà kho tiếp giáp Công ty xây dựng T có diện tích $57,8m^2$ như kể trên.

* Bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng một kỷ phần có diện tích là $130m^2$ thuộc thửa 201, tờ bản đồ số 30 tại đường B, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang (là một phần của thửa 140) (trong đó có $95,7m^2$ đất ở và $34,3m^2$ đất cây lâu năm) được đánh số 5, 6 và 7, vị trí tứ cận như sau:

Bắc: Giáp đất chia cho ông Nguyễn Thanh B;

Nam: Giáp đường B;

Đông: Giáp đất chia cho ông Nguyễn Thanh B;

Tây: Giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Trúc L.

(Chiều dài các cạnh như sơ đồ kèm theo).

Trên phần đất có 01 căn nhà mặt tiền đường B diện tích $31,7m^2$ kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường, mái tole, nền xi măng + gạch. Phía sau có 01 căn nhà kho diện tích $64m^2$, kết cấu: cột sắt, vách tole, mái tole, nền xi măng có một phần không vách.

Bà Nguyễn Thị Thu H được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích đất $130m^2$, tài sản trên đất là 01 căn nhà mặt tiền đường B có diện tích $31,7m^2$ và 01 căn nhà kho diện tích $64m^2$ như kể trên.

* Bà Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thị Phương D nhường kỷ phần của mình cho ông Nguyễn Thanh B. Do đó ông Nguyễn Thanh B được hưởng một kỷ phần có diện tích là $396m^2$ thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 30 (là một phần của thửa 140) (trong đó có $239,6m^2$ đất ở và $156,4m^2$ đất cây lâu năm) được đánh số 8, 9, 10 và 11, vị trí tứ cận như sau:

Bắc: Giáp sông Đ;

Nam: Giáp đường B;

Đông: Giáp đất ông Nguyễn Thanh B;

Tây: Giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Trúc L và bà Nguyễn Thị Thu H.

(Chiều dài các cạnh như sơ đồ kèm theo).

Trên phần đất có 01 căn nhà tạm diện tích $140,1m^2$, kết cấu: cột sắt, vách tole, mái tole, nền xi măng; 01 căn nhà kho phía sau tiếp giáp sông Đ diện tích $99,5m^2$, kết cấu: cột sắt, vách tole, mái tole, nền xi măng, có một phần không vách.

Ông Nguyễn Thanh B được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích đất $396m^2$, tài sản trên đất là 01 căn nhà tạm diện tích $140,1m^2$ và 01 căn nhà kho phía sau tiếp giáp sông Đ diện tích $99,5m^2$ như kể trên.

- Các bên được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài

sản tranh chấp và thu thập chứng cứ 3.400.000 đồng. Ông Nguyễn Văn B đã nộp tạm ứng số tiền trên. Do đó, bà Nguyễn Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị Trúc L, Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị H mỗi người đồng ý hoàn lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 680.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 56.768.425 đồng. Bà L, bà M và ông B đã nộp số tiền 4.563.600 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai thu số 31520, 31519, 31518 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp tiếp 52.204.825 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 56.367.700 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí số tiền là 32.258.250 đồng, bà H đã nộp số tiền 1.521.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 31759 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp tiếp 30.737.250 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ THo
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy Hằng

